TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1819/2023/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 30 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 396 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 2677/2023/TLST-VHNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Võ Thị Vân K, sinh năm 1993;

Nơi thường trú: Ấp Tân Bình, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Lại Duy T, sinh năm 1990;

Nơi thường trú: Ấp Tân Bình, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Cùng địa chỉ tạm trú: 651/80 khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Võ Thị Vân K và ông Lại Duy T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mépu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2014. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm, suy nghĩ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà K và ông T đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bà K và ông T thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Vân K và ông Lại Duy T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Võ Thị Vân K và ông Lại Duy T có 01 con chung tên là Lại Hoàng Tr, sinh ngày 12/10/2015. Ly hôn, bà K và ông T thỏa thuận giao cháu Lại Hoàng Tr cho ông T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; hàng tháng bà K cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng/01 tháng) kể từ ngày 30/11/2023 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Vân K và ông Lại Duy T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lại Hoàng Tr, sinh ngày 12/10/2015 cho ông Lại Duy T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; hàng tháng bà Võ Thị Vân K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng/01 tháng) kể từ ngày 30/11/2023 cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Bà K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền đề nghị thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Vợ chồng khai không có nên không giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Võ Thị Vân K và ông Lại Duy T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0009669 ngày 15/11/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí bà K và ông T phải nộp. Bà K và ông T đã nộp đủ lệ phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hướng